

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ- ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2017
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Hà

2/ Ông Hoàng Văn Khảm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thịnh Thùy- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 “ V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Tạ Quang D, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn Tòa án nhận được ngày 24/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh D kết hôn với nhau ngày 18/10/1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ghen tuông, nhiều lần uống rượu say có lời nói xúc phạm tới chị dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, chị và anh D sống ly thân

với nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm với anh D, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Bị đơn anh Tạ Quang D trình bày: Anh Thừa nhận về thời điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Mặc dù, giữa anh và chị T có mâu thuẫn nhưng anh vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ. Anh D thừa nhận do tính cách không hợp nên vợ chồng nhiều lần xảy ra tranh cãi nhau, anh không kiềm chế được nên đã có những lời lẽ xúc phạm chị T. Anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị T vẫn đề nghị ly hôn, anh cũng đồng ý. Tại phiên tòa anh D đề nghị được đoàn tụ.

Về con chung: Anh D và chị T đều thừa nhận có 02 con chung là Tạ Quang H, sinh ngày 11/8/1995 và Tạ Thu H, sinh ngày 28/3/2004. Hiện tại các cháu đang ở với chị T và anh D, đối với cháu Hiệp đã thành niên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, anh D và chị T đều đề nghị được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Thu H và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh D và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Tạ Thu H trình bày: Mong muốn bố mẹ đoàn tụ, trong trường hợp anh D và chị T ly hôn, cháu Tạ Thu H có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị T và anh D là vợ chồng, chị T có đơn đề nghị ly hôn, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “ Hôn nhân và Gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Xét về yêu cầu của những người tham gia tố tụng:

[2]. Về tình cảm: Anh D và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do anh D ghen tuông, nhiều lần uống rượu say có lời nói xúc phạm tới chị dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Anh D, cho rằng giữa anh và chị có mâu thuẫn nhưng anh

mong muốn được đoàn tụ, ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Anh D và chị T đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay nhưng cả hai bên đều không cải thiện được tình cảm vợ chồng mà luôn xảy ra mâu thuẫn. Do vậy, chị T đề nghị ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh D và chị T có 02 con chung là Tạ Quang H, sinh ngày 11/8/1995 và Tạ Thu H, sinh ngày 28/3/2004. Hiện tại, các cháu đang ở với chị T và anh D, đối với cháu Hiệp đã thành niên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, anh D và chị T đều đề nghị được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Thu H và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Để bảo đảm quyền lợi ích chính đáng của cháu Tạ Thu H và cũng là nguyện vọng của cháu Hà, cần chấp nhận đề nghị của chị T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Tạ Thu H là phù hợp. Do chị T không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Tạ Quang H, sinh ngày 11/8/1995 đã thành niên và lao động tự túc được, anh D và chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4]. Về tài sản, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh D và chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh Tạ Quang D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1/ Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Tạ Quang D.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tạ Thu H, sinh ngày 28/3/2004. Anh Tạ Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001842 ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền án phí, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Tuấn

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Tuấn

